

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11 /2025/DS-ST

Ngày: 18-02-2025

V/v “*Tranh chấp đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Quốc Thanh

2. Bà La Thị Thu Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 394/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Ngọc L, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Tổ 6, khu phố Xóm Rẫy, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Trương Thị V, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ 8, khu phố Phước Tiến, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Bà Trương Thị V và ông Trần Văn L là chỗ quen biết đó giờ, do bà V nói đang gặp khó khăn nên ngày 30/12/2023 bà V có hỏi mượn tiền ông L nhưng do ông L không có tiền nên các bên thỏa thuận ông L cho bà V mượn 02 chỉ vàng 24K, vàng ông L mua tại tiệm vàng K H thuộc thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, việc mượn vàng không tính lãi suất. Khi mượn bà V có làm giấy tay mượn vàng và hứa ngày 17/01/2024 sẽ trả lại cho ông L số vàng đã mượn. Đến hạn trả vàng nhưng bà V không thực hiện như đã thỏa thuận, ông L gọi điện thoại cho bà V để yêu cầu bà V trả số vàng nhưng bà V đã chặn máy và cố tình không trả nợ cho ông L, ông L đến nhà tìm bà V nhiều lần nhưng bà V đã bỏ đi đâu ông L cũng không biết.

Nay ông Trần Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị V phải trả cho ông L số vàng đã mượn là 02 chỉ vàng 24K quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Trương Thị V: Tại biên bản xác minh ngày 07-12-2024 của Tòa án, kết quả xác minh bà Trương Thị V trước đây có sinh sống tại địa chỉ Tổ 8, khu phố Phước Tiến, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; bà V mới đi nơi khác sinh sống khoảng vài tháng, địa phương không biết bà V hiện đang sinh sống ở địa chỉ nào vì khi đi bà V không thông báo về địa chỉ nơi cư trú mới với chính quyền địa phương.

Bà Trương Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa tuy nhiên bà V vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc L tại những buổi làm việc này và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Mặc dù Tòa án thụ lý vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, tuy nhiên căn cứ theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn là ông Trần Ngọc L khởi kiện bị đơn là bà Trương Thị V để yêu cầu bà V trả lại số vàng đã mượn, ông L không yêu cầu lãi suất, do đó quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “tranh chấp đòi tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ Tổ 8, khu phố Phước Tiến, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do đó, theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự cho bị đơn là bà Trương Thị V. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Trương Thị V đều vắng mặt; tại phiên tòa bà V vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Sự vắng mặt của Kiểm sát viên: Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có văn bản thông báo không tham gia phiên tòa với lý do vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Ông Trần Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị V phải trả cho ông L số vàng đã mượn là 02 chỉ vàng 24K quy đổi thành tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử; ông L không yêu cầu lãi suất, số vàng này

là vàng nhẫn ông L mua tại tiệm vàng K H thuộc thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Ông L cũng đã cung cấp cho Toà án “giấy cho mượn vàng” bằng giấy tay được kí kết giữa ông Trần Ngọc L và bà Trương Thị V vào ngày 30-12-2023. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà V không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông L và cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh về việc thanh toán số vàng trên cho ông L; do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy việc bà V mượn ông L 2 chỉ vàng 24K vào ngày 30-12-2023 là có thật, đến hạn trả nợ là ngày 17-01-2024 bà V không trả số vàng đã mượn cho ông L nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc bà V phải có nghĩa vụ trả cho ông L số vàng đã mượn là 2 chỉ vàng 24k quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

Theo giá bán ra do tiệm vàng K H thuộc thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cung cấp cho Toà án vào ngày 18-02-2025 thì giá vàng 24K bán ra là 8.780.000 đồng/01 chỉ vàng; như vậy bà Trương Thị V phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ngọc L 02 chỉ vàng 24K x 8.780.000 đồng/chỉ = 17.560.000đồng (mười bảy triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng)

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Trần Ngọc L được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Trương Thị V phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là $17.560.000 \times 5\% = 878.000\text{đ}$ (tám trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc L về đòi tài sản với bà Trương Thị V. Buộc bà Trương Thị V phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ngọc L 2 chỉ vàng 24k; quy đổi ra tiền Việt Nam đồng là 17.560.000đồng (mười bảy triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Trương Thị V phải nộp 878.000đ (tám trăm bảy mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Hiền